

Số: 17/2022/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2022

THÔNG TƯ

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam, bao gồm: định mức về lao động, định mức sử dụng máy móc thiết bị, định mức sử dụng vật liệu.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm:

a) Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam;

b) Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến việc sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam.

2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức có hoạt động xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Định mức này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhãn hiệu đăng ký quốc tế* là nhãn hiệu đăng ký theo Hệ thống Madrid (bao gồm Thỏa ước Madrid và Nghị định thư Madrid) có chỉ định Việt Nam.

2. *Xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam* là việc xem xét xác định tình trạng bảo hộ của nhãn hiệu đăng ký quốc tế tại Việt Nam tại thời điểm xác nhận.

3. *Đơn chỉ định sau* là đơn mở rộng phạm vi lãnh thổ bảo hộ.

Điều 5. Phương pháp, cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng theo các phương pháp được quy định tại Điều 10 Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi là Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN), bao gồm 02 phương pháp:

1. Phương pháp phân tích, thực nghiệm

Phương pháp phân tích, thực nghiệm là phương pháp xây dựng định mức mà trong đó các tiêu hao về thời gian lao động, thời gian sử dụng máy móc, thiết bị và tiêu hao vật tư để thực hiện các nội dung công việc, phần tử công việc được xác định trên cơ sở chụp ảnh, bấm giờ và tiến hành trong điều kiện tổ chức, kỹ thuật hiện tại của đơn vị. Số liệu quan sát thực hiện trực tiếp tại nơi làm việc và các nhân tố ảnh hưởng tới các thành phần hao phí là sở cứ khoa học để phục vụ tính toán các trị số định mức. Căn cứ kỹ thuật của định mức được xác định dựa trên các tài liệu quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về thời gian lao động, chế độ nghỉ ngơi, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị để xem xét và phân tích các nội dung công việc và trị số định mức cần xác định.

Phương pháp này chỉ áp dụng đối với những nội dung công việc có chu kỳ thực hiện theo ngày và xuất hiện tại thời điểm tiến hành khảo sát.

2. Phương pháp thống kê tổng hợp

Phương pháp thống kê tổng hợp là phương pháp xây dựng định mức trên cơ sở số liệu thống kê ở thời kỳ trước được tổng hợp và phân tích.

Phương pháp này được sử dụng để tính toán xác định trị số mức đối với những nội dung công việc mà trình tự thực hiện và tiêu hao thời gian lao động không ổn định, chu kỳ thực hiện không phải là hàng ngày và không diễn ra tại thời điểm tiến hành khảo sát.

Điều 6. Cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam được xây dựng trên cơ sở Quy trình thực hiện dịch vụ xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Nội dung định mức

Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN, gồm các nội dung và mức hao phí để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định (được mô tả trong thành phần công việc) đối với hoạt động xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam. Cụ thể:

1. Định mức lao động là hao phí lao động cần thiết của các cấp bậc lao động bình quân thực tế tham gia vào hoạt động xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam. Mức hao phí trong định mức được tính bằng công, mỗi công tương ứng với 8 giờ làm việc. Định mức lao động bao gồm định mức lao động trực tiếp và định mức lao động gián tiếp; trong đó, định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 10% định mức lao động trực tiếp.

2. Định mức máy móc, thiết bị là hao phí máy móc, thiết bị được sử dụng trong hoạt động xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam. Mức hao phí trong định mức được tính bằng ca làm việc, mỗi ca tương ứng với 8 giờ làm việc.

3. Định mức vật tư là hao phí các loại vật tư (giấy, mực in và các loại vật tư khác) cần thiết sử dụng trực tiếp trong hoạt động xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam. Mức hao phí vật tư trong định mức được xác định bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể.

Các hao phí khác (năng lượng, nhiên liệu, cơ sở hạ tầng và các chi phí trực tiếp khác) được tính và phân bổ cho hoạt động xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam khi lập đơn giá, dự toán kinh phí.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2023.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân

các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN;
- Công báo VPCP;
- Lưu: VT, SHTT(3), PG.

4 K₂



Nguyễn Hoàng Giang



**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
DỊCH VỤ XỬ LÝ YÊU CẦU XÁC NHẬN NHÃN HIỆU ĐĂNG KÝ QUỐC
TẾ ĐƯỢC BẢO HỘ TẠI VIỆT NAM**

*(Kèm theo Thông tư số 17/2022/TT-BKHCN ngày 16 tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**Phần I
HƯỚNG DẪN CHUNG**

I. Kết cấu định mức

Mỗi định mức trong dịch vụ xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam bao gồm: Thành phần công việc, bảng định mức. Trong đó:

- Thành phần công việc là các nội dung công việc chính thực hiện đối với dịch vụ xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam;

- Bảng định mức bao gồm các thành phần và mức hao phí về lao động trực tiếp, lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ), máy móc thiết bị, vật tư để hoàn thành các công việc tương ứng của dịch vụ xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam.

II. Áp dụng định mức

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt đơn giá, dự toán kinh phí dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý kinh tế trong hoạt động xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. Trong đó:

- Xác định các chức danh lao động: Lao động thực hiện hoạt động xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam là viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Các chức danh lao động trong thành phần hao phí lao động của bảng định mức áp dụng theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

- Máy móc, thiết bị: Máy móc, thiết bị được sử dụng để thực hiện hoạt động xử lý yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam là các máy móc, thiết bị thông dụng theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Phần II

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ XỬ LÝ YÊU CẦU XÁC NHẬN NHÃN HIỆU ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ ĐƯỢC BẢO HỘ TẠI VIỆT NAM

I. Thành phần công việc

1. Tiếp nhận yêu cầu:

- Tiếp nhận, đóng dấu và cấp mã số xác nhận hồ sơ yêu cầu xác nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam;

- Tiếp nhận và đóng dấu nhận tài liệu bổ sung.

2. Bàn giao hồ sơ yêu cầu, tài liệu bổ sung cho bộ phận xử lý.

3. Kiểm tra, đánh giá các tài liệu trong hồ sơ yêu cầu, tài liệu bổ sung và xem xét xác định tình trạng bảo hộ tại Việt Nam.

3.1. Kiểm tra, đánh giá công văn yêu cầu xác nhận:

- Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của công văn yêu cầu xác nhận;

- Kiểm tra các tài liệu đính kèm được nêu trong công văn.

3.2. Kiểm tra, đánh giá giấy ủy quyền:

3.2.1. Giấy ủy quyền là bản gốc: Kiểm tra đánh giá các thông tin và tính hợp pháp, hợp lệ của giấy ủy quyền;

3.2.2. Giấy ủy quyền được dẫn chiếu đến hồ sơ đơn nộp trước đó:

- Tìm và đối chiếu với giấy ủy quyền gốc:

+ Từ hồ sơ giấy.

+ Từ hồ sơ điện tử.

- Kiểm tra, đánh giá các thông tin và tính hợp pháp, hợp lệ của giấy ủy quyền.

3.3. Tra cứu đăng ký quốc tế trên cơ sở dữ liệu nhãn hiệu đăng ký quốc tế theo Hệ thống Madrid của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới và in trích lục đăng ký quốc tế.

3.4. Xem xét xác định tình trạng bảo hộ tại Việt Nam tại thời điểm xác nhận:

- Đánh giá tình trạng bảo hộ hoặc từ chối được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu

nhãn hiệu đăng ký quốc tế theo Hệ thống Madrid của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới;

- Kiểm tra, đối chiếu trình trạng bảo hộ hoặc từ chối được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu nhãn hiệu đăng ký quốc tế theo Hệ thống Madrid của đơn vị cấp giấy xác nhận;

- Kiểm tra tính thống nhất của thông tin chủ sở hữu đăng ký quốc tế nhãn hiệu với thông tin trong giấy ủy quyền.

- Đánh giá hiệu lực của đăng ký quốc tế tại thời điểm xác nhận:

+ Xác định ngày đăng ký quốc tế, ngày chỉ định sau tại Việt Nam (trong trường hợp chỉ định sau), ngày được bảo hộ tại Việt Nam, thời hạn hiệu lực;

+ Xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ được bảo hộ tại Việt Nam;

+ Xác định thành phần loại trừ.

4. Dự thảo kết quả xử lý yêu cầu

4.1. Soạn thảo giấy xác nhận đối với yêu cầu hợp lệ và đăng ký quốc tế liên quan được bảo hộ tại Việt Nam.

4.2. Soạn thảo công văn về kết quả xử lý yêu cầu:

- Soạn thảo công văn thông báo hồ sơ chưa đạt yêu cầu;

- Soạn thảo công văn thông báo không cấp giấy xác nhận do hồ sơ không đạt yêu cầu.

5. Trình duyệt Lãnh đạo các cấp.

6. Lấy số và đóng dấu kết quả xử lý yêu cầu.

7. Bàn giao kết quả xử lý yêu cầu cho bộ phận tiếp nhận.

8. Trả kết quả xử lý yêu cầu cho người nộp yêu cầu:

- Trả trực tiếp;

- Trả qua Bưu điện.

II. Bảng định mức

Đơn vị tính: 01 kết quả

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	2	3	4
1	Lao động		
1.1	Lao động trực tiếp		
	Chuyên viên bậc 2/9 hoặc tương đương	Công	0,1539
	Chuyên viên bậc 3/9 hoặc tương đương	Công	0,0484

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	2	3	4
1.2	Lao động gián tiếp	Bằng 10% định mức lao động trực tiếp	
2	<u>Máy móc thiết bị</u>		
	Máy tính văn phòng để bàn	Ca	0,0851
	Máy in	Ca	0,0035
	Máy photocopy	Ca	0,0017
	Điện thoại để bàn	Ca	0,0021
3	<u>Vật tư</u>		
	Giấy A4	Gram	0,036
	Phong bì A4	Cái	1,1
	Mực in	Hộp	0,006
	Mực photocopy	Hộp	0,0009

